ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ MỸ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 521/BC-UBND	*Mỹ An, ngày 05 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ Kế hoạch số 161/ KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2022 của UBND huyện Chợ Mới Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022.

Căn cứ kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2022 kế hoạch cải cách hành chính xã Mỹ An năm 2022.

Trong 9 tháng đầu năm 2022 số ĐCV CCHC đã hoàn thành 22 ĐCV/22 ĐCV.

2. Việc tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

Từ đầu năm đơn vị có xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính số 48/KH-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2022 kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 đã ban hành 22 đầu công việc. Việc triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 đầu năm có tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch CCHC năm 2022 đến cán bộ, công chức để nắm và xây dựng kế hoạch riêng để triển khai thực hiện.

3. Về Công tác kiểm tra cải cách hành chính

Trong quý, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra, nhằm phát hiện kịp thời những thiếu sót đề ra giải pháp chấn chỉnh, khắc phục. Tổ kiểm tra công vụ xã thường xuyên kiểm tra cán bộ, công chức về việc chấp hành giờ giấc làm việc, thực hiện nội quy, quy chế cơ quan.

3. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính:

Xã đã xây dựng và triển khai kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 31/3/2022 của UBND xã Mỹ An về tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2022.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1) Xây dựng và ban hành các VBQPPL của cơ quan, đơn vị

UBND xã xây dựng văn bản về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính để đảm bảo chất lượng văn bản được ban hành theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015.

Trong năm, UBND xã đã ban hành **01** văn bản VPPL gồm: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2022 và Nghị quyết kinh tế-xã hội năm 2022.

1.2) Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của cơ quan, đơn vị

Thường xuyên rà soát định kỳ các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành, kịp thời loại bỏ những văn bản đã hết hiệu lực pháp luật.

1.3) Công tác kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật

Tổ chức triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để cán bộ công chức và người dân biết để thực hiện đúng pháp luật.

Thường xuyên rà soát kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật mới ban hành.

2. **Cải cách thủ tục hành chính**

2.1 Cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện kế hoạch 186/KH -UBND ngày 16 Tháng 01 năm 2022 của UBND huyện Chợ Mới kế hoạch rà soát đánh giá TTHC. UBND xã đề ra kế hoạch rà soát đánh giá TTHC trên 2 nhóm TTHC đã tiến hành rà soát một cách thường xuyên. Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương 157 TTHC.

1.2. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã tiếp tục duy trì thực hiện tốt góp phần giải quyết nhanh các thủ tục hành chính cho nhân dân.

Cán bộ, công chức đã thay đổi rất lớn về cách giao tiếp với dân, tác phong làm việc, ứng xử hòa nhã, nhiệt tình, trách nhiệm đúng theo phương châm *"Trách nhiệm, một cửa, thân thiện"* tạo nên một nền hành chính thân thiện và gần dân hơn.

Trong năm, đã tiếp nhận và trả kết quả được 5.213 hồ sơ gồm:

- Lĩnh vực Hộ tịch: 777 hồ sơ
- Lĩnh vực Chứng thực: 4.361 hồ sơ
- Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 64 hồ sơ
- Lĩnh vực Người Có công: 09 hồ sơ

- Lĩnh vực đất đai: 02 hồ sơ

- Lĩnh vực thi đua khen thưởng: 00 hồ sơ

- Lĩnh vực tôn giáo: 00 hồ sơ

Trong năm, trên địa bàn xã không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Về biên chế: UBND xã có 21 cán bộ chuyên trách, công chức được bố trí cơ bản đều ở các ngành (cán bộ 11; công chức 10). Theo Quyết định số 60 năm 2021 của UBND tỉnh thì địa phương còn thiếu 02 công chức.

Về công tác tổ chức hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã trong cơ chế một cửa gồm: 01 biên chế lãnh đạo; 05 biên chế gồm các chức danh: 02 Địa chính - Xây dựng, 02 Tư Pháp – Hộ tịch và 01 Văn Hóa-Xã Hội.

Niêm yết lịch làm việc, tiếp dân và nội quy cơ quan được đặt trước Uỷ ban. Phòng tiếp công dân.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phát huy trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong công tác cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng; tổ chức triển khai, phổ biến Chỉ thị 07/CT-UBND ngày 16/7/2013 của UBND tỉnh đến tất cả cán bộ, công chức của cơ quan nhằm mục đích nâng cao tính chấp hành, gương mẫu của cán bộ, công chức thực hiện nghiêm về giờ giấc làm việc, thái độ giao tiếp, phục vụ Nhân dân, tác phong làm việc, tinh thần trách nhiệm trong công việc được nâng lên rõ nét, khi tiếp xúc với Nhân dân luôn nhã nhặn, hướng dẫn tận tình, thực hiện đúng phương châm: "Thân thiện-Trách nhiệm-Đúng hẹn".

Thực hiện báo cáo kết quả sắp xếp, bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp theo tinh thần công văn Công văn số 55/UBND-TH ngày 15 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh An Giang và Công văn số 179/UBND-TH ngày 17 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Chợ Mới, về việc khẩn trương sắp xếp, bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

5. Cải cách tài chính công:

Thực hiện theo chế độ công khai dân chủ tài chính công đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức. Hoàn thành các công văn ngành dọc cấp trên đảm bảo thời gian quy định và cập nhật dữ liệu vào phần mềm kế toán Misa theo hướng dẫn.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

Về trang thiết bị phục vụ tại bộ phận một cửa được trang bị tương đối đầy đủ đảm bảo tốt cho giải quyết công việc.

Việc sử dụng các phần phềm như phần mềm hộ tịch, Misa, Dịch vụ công trực tuyến, sử dụng thư điện tử tỉnh, phần mềm văn phòng điện tử VNPT 4.0 và ứng dụng chữ ký số được duy trì triển khai tại cơ quan.

7. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Tiếp tục duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong giải quyết thủ tục hành chính ISO 9001-2015.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Thuận lợi: Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy – Thường trực Ủy ban nhân dân xã, sự hướng dẫn các ngành chuyên môn cấp trên và phối hợp của Mặt trận, ban ngành, đoàn thể xã trong công tác tuyên truyền, vận động giáo dục, nâng cao ý thức người dân đã có chuyển biến tích cực. Được sự hỗ trợ tích cực của các ngành, cán bộ được phân công luôn nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, tạo được lòng tin đối với nhân dân. Cán bộ một cửa có tích cực trong giải quyết thủ tục hành chính; thái độ tiếp dân ngày càng thân thiện.

2. Khó khăn: chưa cập nhật kịp thời các văn bản của trên, từ đó ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023:

Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính theo Chương trình kế hoạch công tác hàng năm của UBND huyện, văn bản chỉ đạo điều hành của các cấp và nhiệm vụ chỉ tiêu theo kế hoạch hàng năm của UBND xã đã ban hành.

Duy trì tốt công tác tiếp nhận và trả kết quả của bộ phận "Một cửa", giải quyết hồ sơ nhanh chóng không để người dân chờ đợi phiền hà, không để hồ sơ trễ hạn.

Thường xuyên cập nhật, công khai Bộ thủ tục Hành chính cấp xã, công khai minh bạch các biểu mức thu phí và lệ phí liên quan đến các ngành chuyên môn của bộ phận *"Tiếp nhận và trả kết quả"*.

Thực hiện tốt quy chế văn hoá nơi công sở; Việc ứng xử giao tiếp của Cán bộ công chức với người dân thực hiện nghiêm theo Chỉ thị của Thủ tướng; Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác Quản lý tài sản công, thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng phần mềm gửi nhận văn bản trên môi trường mạng (VNPT 4.0), chữ ký số, tiếp nhận giải quyết thủ tục qua phần mềm hành chính công (tiếp nhận trực tuyến) đảm bảo đạt yêu cầu, đặt biệt thực hiện tốt việc nhận và trả kết quả giải quyết TTHC mức độ 3 và 4, thực hiện chứng thực điện tử.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Tổ chức các lớp tập huấn về cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, các văn bản mới hàng năm.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2022 và phương hướng năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ An./.

Nơi nhận:
- Phòng Nội vụ huyện;
- TT Đảng ủy xã;
- TT UBND xã;
- Lưu: VT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Nhựt Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1C

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Công văn số 373/PNV-CCHC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	**Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành**	Văn bản	**09**		
2.	**Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	**100**		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	22		
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	22		
3.	**Kiểm tra CCHC**				
3.1.	Số lượng cuộc tự kiểm tra	Cuộc	04		
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0		
3.2.1.	*Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra*	Vấn đề	0		
3.2.2.	*Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong*	Vấn đề	0		
4.	**Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao**				
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	09		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	09		
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	00		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	00		

5.	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức**				
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	30		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1		
6	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp**	Không = 0 Có = 1	0		

Mỹ An, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Nhựt Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2C
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ TẠI UBNDCẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 373/PNV-CCHC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Cải cách thể chế**			
1.1.	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản	02	
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND huyện được ban hành	Văn bản		
	Số Quyết định của UBND cấp huyện được ban hành	Văn bản		
	Số Nghị quyết của HĐND xã được ban hành	Văn bản	02	
	Số Quyết định của UBND cấp xã được ban hành	Văn bản	00	
1.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	02	
1.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	02	
1.4.	Số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	00	
1.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	00	

Mỹ An, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Nhựt Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3C
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 373/PNV-CCHC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	**Thống kê TTHC**				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	157		
1.4.1.	*Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	Thủ tục			
1.4.2.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	Thủ tục	157		
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**				
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục			
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục			
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục			
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được	%			

	giải quyết đúng hạn				
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	Hồ sơ			
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	Hồ sơ			
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100		
3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	Hồ sơ	5.213		
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	Hồ sơ	5.213		
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	00		
3.3.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*	PAKN	00		
3.3.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*	PAKN	00		

Mỹ An, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Nhựt Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 4C
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TẠI UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 373/PNV-CCHC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số lượng		
1.	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**				
1.1.	Tỷ lệ cán bộ, công chức đã hoàn thành việc sắp xếp đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100		
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	00		
1.2.1.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã*	Cơ quan, đơn vị	*00*		
1.2.2.	*Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015*	%	*00*		
2.	**Số liệu về biên chế công chức**				
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	12		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	09		
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	00		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	00		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	00		
3.	**Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập**				
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	00		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	00		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	00		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	00		

Mỹ An, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Nhựt Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 5C
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ TẠI UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 373/PNV-CCHC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	00	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	00	
2.	**Tuyển dụng công chức, viên chức**			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	09	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	00	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	00	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	00	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	00	
3.	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(Lũy kế từ đầu năm)*	Người	**00**	
4.	**Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật** *(cả về Đảng và chính quyền).*		**00**	
4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	00	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	00	

Mỹ An, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Nhựt Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 6B
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG TẠI NGÀNH HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 373/PNV-CCHC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*			
1.1.	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị	00	
1.2.	Số ĐVSNtrực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	00	
1.3.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	00	
1.4.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	00	
1.4.1.	*Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	Đơn vị	*00*	
1.4.2.	*Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	Đơn vị	*00*	
1.4.3.	*Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	Đơn vị	*00*	
1.5.	Số ĐVSN trực thuộc do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	00	
1.6.	Số lượng ĐVSN trực thuộc đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	00	

Mỹ An, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Nhựt Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MỸ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 7C
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁCXÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ TẠI UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 373/PNV-CCHC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Triển khai các Kế hoạch Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh**	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2.	**Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh**	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
3.	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với đơn vị mình*	%		
3.1.2.	*Tỷ lệ các cơ quan ngành dọc đã kết nối, liên thông với đơn vị mình*	%		
3.1.3.	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với đơn vị mình*	%	*100*	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%	70	
3.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
3.3.1.	*Đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh*	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		

3.3.2.	*Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh*	%		
4.	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**			
4.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
4.1.1.	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3*	Thủ tục		
4.1.2.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3*	Thủ tục	*1*	
4.1.3.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	Thủ tục	*0*	
4.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
4.2.1.	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4*	Thủ tục		
4.2.2.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4*	Thủ tục	*7*	
4.2.3.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	Thủ tục	*0*	
4.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC tỉnh.	%	100	
4.3.1.	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan, đơn vị*	Thủ tục	*7*	
4.3.2.	*Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC tỉnh*	Thủ tục	*7*	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 *(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)*	%	0	
4.4.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)*	Hồ sơ	*0*	
4.4.2.	*Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến*	Hồ sơ	*0*	

Mỹ An, ngày 05 tháng 12 năm 2022

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Nhựt Thanh